

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PADK-TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

Long Thành, ngày tháng 7 năm 2026

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN
Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án
Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua xã Bình An (đợt 7)

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;



Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ, triển khai dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giải phóng mặt bằng mở rộng ĐT.769;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua xã Bình An;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 03/4/2026 của UBND xã Bình An về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân xã Bình An chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 huyện Thống Nhất và Long Thành đoạn qua xã Bình An (đợt 7), cụ thể như sau:

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Tổng diện tích đất thu hồi:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **17 trường hợp/22 thửa đất/11.355,4 m²** (trong đó có **02 trường hợp bổ sung**), cụ thể như sau:

- + Đất công: 9.601,7 m².
- + Đất phi nông nghiệp (đất ở): 181,4 m².
- + Đất nông nghiệp: 1.572,3 m².

1.1 Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND.

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Bình An về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (*UBND Bình An chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định*).

1.2 Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã Bình An về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND xã Bình An chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.

1.3 Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

- Đối với cây lâm nghiệp, cây hàng năm:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này (có tính mật độ cây trồng theo quy định của UBND thành phố Đồng Nai).

- Đối với trường hợp cây lâu năm:

Đối với các trường hợp cây lâu năm đơn lẻ, trong quá trình kiểm đếm, đoàn kiểm đếm đã lập biên bản ghi nhận các thông tin về năm tuổi cây, thời điểm bắt đầu cho thu hoạch và sản lượng thu hoạch theo kê khai của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi. Trên cơ sở hồ sơ kiểm đếm, hình ảnh hiện trạng được ghi nhận tại thời điểm kiểm đếm, đối chiếu với đặc điểm thực tế của cây trồng như chiều cao, đường kính tán, năm tuổi và sản lượng thu hoạch, nhận thấy các thông tin kê khai

của hộ gia đình, cá nhân cơ bản tương đồng với hiện trạng cây trồng tại thời điểm kiểm đếm. Tổ công tác kiểm đếm thống nhất nội dung cây trồng năm tuổi, năm thu hoạch theo nội dung đã ghi nhận. Do đó, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Long Thành căn cứ kết quả kiểm đếm và các quy định hiện hành để tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Đối với các trường hợp thu hồi đất lúa, trên đất có các loại cây trồng được hỗ trợ thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm **nhân với 80%** đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

1.4 Thuởng di dời:

Thuởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1.5 Các chính sách hỗ trợ:

Đối với hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất: Căn cứ Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối với các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất căn cứ mẫu số 03 do Công an xã Bình An xác nhận và mẫu số 04 do UBND xã Bình An xác nhận các trường hợp đủ điều kiện được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tính toán, áp giá hỗ trợ theo quy định.

Đồng thời hiện nay chưa có thông tin giá gạo cụ thể nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chưa có cơ sở áp giá hỗ trợ gạo cho các trường hợp có đất thu hồi của dự án. Sau khi có giá gạo cụ thể, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ căn cứ áp giá, bổ sung cho các hộ dân (nếu đủ điều kiện).

Đối với các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là người ngoài địa phương, UBND xã Bình An xác nhận hộ dân có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi. Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có Văn bản gửi đến công an Phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp. Sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp giá bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

1.6 Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày



15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **17 trường hợp/22 thửa đất/11.355,4 m²** (trong đó có **02 trường hợp bổ sung**), cụ thể như sau:

+ Đất công: 9.601,7 m².

+ Đất phi nông nghiệp (đất ở): 181,4 m².

+ Đất nông nghiệp: 1.572,3 m².

- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **6.949.574.540 đồng**.

Trong đó:

- Bồi thường đất:	2.955.631.950 đồng.
- Nhà, vật kiến trúc:	3.475.775.979 đồng.
- Cây trồng:	72.524.844 đồng.
- Chính sách hỗ trợ:	52.632.000 đồng.
- Thương di dời:	158.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%):	235.009.767 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai tại UBND xã Bình An, Nhà văn hoá ấp An Bình, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình An trong thời hạn 10 ngày, đề nghị UBND xã Bình An ghi nhận ý kiến (nếu có) của các hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến.

Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ dự kiến thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An (đợt 7).

CHI NHÁNH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Thuộc dự án: Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường DT. 769 huyện thống nhất và Long Thành đoạn qua xã Bình An (đợt 7)
Kèm theo Phương án số: .../PAĐK-TT/TPĐP-CNT-BT.N3 ngày ... tháng ... năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng	Diện tích đất bồi thường (m ²)					Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Phi nông nghiệp	Bất ở tại nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác								
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty cao su Đồng Nai	khu phố Trung tâm, phường Long Khanh, thành phố Đồng Nai	5.160,0						5.160,0		55.786.574		52.632.000		108.418.574	
2	Trường mầm non An Viên	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	1.133,1						1.133,1							
3	Bưu điện thành phố Đồng Nai (Bưu điện văn hóa xã Bình An)	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	86,4						86,4							
4	Trường Tiểu học Bình An	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	1.313,1						1.313,1							
5	Trạm y tế xã Bình An	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	636,3						636,3							
6	Bãi công do UBND xã Bình An quản lý	khu tái định cư Long Đức, ấp Long Đức, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	1.042,4						1.042,4							
7	Công ty xăng dầu Đồng Nai (Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai)	số 104, đường Hà Huy Giáp, phường Trảng Bền, thành phố Đồng Nai	230,4						230,4							
8	Đỗ Thị Kim Nhi	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	4,4						4.657.400	9.729.520				2.000.000	16.386.920	
9	Phạm Thị Ngọc Thảo	181A/48T Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	127,3						134.747.050		838.480			12.000.000	147.585.530	
10	Nguyễn Bảo Luân (đúng giấy CNQSD đất) - Nguyễn Luân (sử dụng)	phường Dầu Giây, thành phố Hồ Chí Minh	243,1						257.321.350	195.629.220	5.733.510			16.000.000	474.684.080	
11	Mai Thị Oanh và Nguyễn Thị Trâm Anh đồng sử dụng	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	108,2						114.529.700	378.427.415	868.200			16.000.000	509.825.315	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)							Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp		Nông nghiệp				Đất công								
			Tổng	Tổng	Dất ở tại nông thôn	Tổng	Dất trồng cây lâu năm	Dất trồng lúa									
12	Nguyễn Văn Dũng	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	176,2	3,2	3,2	173,0	173,0	173,0				203.194.100	835.086.534	1.347.200	20.000.000	1.059.627.834	
13	Nguyễn Thanh Tùng và Hồ Thị Phụng	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	272,8			272,8	272,8	272,8				288.758.800	672.021.430	5.772.680	20.000.000	986.552.910	
14	Lê Đăng Minh và Nguyễn Thị Niềm	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	269,0			269,0	269,0	269,0				284.736.500	506.833.740	349.200	20.000.000	811.919.440	
15	Thống A Cầu	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	125,6			125,6	125,6	125,6				132.947.600	134.627.500		16.000.000	283.575.100	
16	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	tổ 4, khu phố Đồng, phường Phước Tân, thành phố Đồng Nai	326,9	174,8	174,8	152,1	152,1	152,1				1.408.021.050	439.130.060	1.829.000	20.000.000	1.868.980.110	
17	Lương Hữu Cường	số 95/2, đường Trần Hưng Đạo, tổ 8, khu phố 8, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	100,2	3,4	3,4	96,8	96,8	96,8				126.718.400	304.290.560		16.000.000	447.008.960	
Tổng			11.355,4	181,4	181,4	1.572,3	1.572,3	1.572,3			9.601,7	2.955.631.950	3.475.775.979	72.524.844	158.000.000	6.714.564.773	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%, trong đó:																	
Tổng cộng (1+2):																	
6.949.574.540																	

Bảng chữ Sưu ty: chín trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi đồng